Đề trắc nghiệm Số 3

Câu 1 : Hội nghị Ianta đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng, ngoại trừ

A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản

B. Hợp tác giữa các nước nhằm khôi phục lại đất nước sau chiến tranh

C. Thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải pháp quân đội phát xít, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á .

D. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới

Câu 2 : 4 năm Chín tháng là thời gian nhân dân Liên Xô

A. Hoàn thành trước thời hạn kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946 – 1950)

B. Nghiên cứu và chế tạo thành công bom nguyên tử

C. Xây dựng hoàn chỉnh lí thuyết về mô hình XHCN

D. Giúp đỡ các nước Đông Âu hoàn thành xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân

Câu 3 : Điểm giống nhau giữa Nhật Bản và bốn "con rồng" kinh tế của châu Á là

A. Không tham gia bất kì liên minh chính trị, quân sự nào

B. Không tham gia vào nhóm G7 và G8

C. Đều đẩy mạnh cải cách dân chủ, cải cách – mở cửa, hội nhập quốc tế

D. Không chi phí nhiều tiền của cho quốc phòng, an ninh

Câu 4 : ý nào dưới đây phản ánh mối quan hệ đối ngoại giữa Trung Quốc và Việt Nam diễn biến theo chiều hướng xấu?

A. Trung Quốc gây xung đột biên giới với các nước láng giềng Liên Xô (1962) và Ấn Độ (1969)

B. Trung Quốc cải thiện mối quan hệ theo hướng hòa dịu với Mĩ

C. Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao(1950) và bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam (1991)

D. Trung Quốc bình thường hóa quan hệ với Liên Xô, Nhật Bản

Câu 5 : Hãy sắp xếp các dữ kiện sau theo trình tự thời gian:

1. Việt Nam và Lào tuyên bố độc lập;

2. Nước Cộng hòa Indonexia thống nhất ra đời;

3. Việt Nam hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước;

4. Philippin và Miến Điện(Mianma) được công nhận độc lập

A. 1,4,3,2

B. 2,4,3,1

C. 2,1,4,3

D. 1,4,2,3

Câu 6 : Hiệp ước Bali (2 – 1976) đã xác định nhiều nguyên tắc hoạt động cơ bản trong quan hệ giữa các nước ASEAN, ngoại trừ nguyên tắc nào?

A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ giữa các nước

B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau

C. Chung sống hòa bình và mọi quyết định đều phải có sự nhất trí của 5 nước sáng lập

D. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình

Câu 7 : Ý nào dưới đây không phản ánh sự phát triển vượt bậc về kinh tế, khoa học – kĩ thuật của Mĩ những năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sở hữu ¾ dự trữ vàng của thế giới

B. Sản lượng công nghiệp chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới

C. Viện trợ cho các nước Tây Âu 17 tỉ đô la qua kế hoạch "phục hưng châu Âu"

D. Trở thành nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại

Câu 8 : thành tựu lớn nhất mà các nước tây Âu đạt được trong những năm 50 – 70 của thế kỉ XX là

A. Trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới

B. Chi phối toàn bộ thế giới về chính trị và kinh tế

C. Cùng với Liên Xô phóng nhiều vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái Đất

D. Ngăn chặn được sự ảnh hưởng của CNXH lan ra toàn thế giới

Câu 9 : Sự kiện có ảnh hưởng lớn nhất đến tâm lí của người dân nước Mĩ trong mấy chục năm cuối thế kỉ XX là gì?

A. Di chứng từ cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam

B. Sự sa lầy của quân đội Mĩ trên chiến trường Ỉac

C. Vụ khủng bố ngày 11 – 9 – 2001 tại Trung tâm thương mại Mĩ

D. Tổng thống Mĩ – Kennodi bị ám sát

Câu 10 : Sau chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô thay đổi như thế nào?

A. Từng là đồng minh trong chiến tranh chuyển sang đối đầu và đi tới tình trạng chiến tranh lạnh

B. Chuyển từ đối đầu sang đối thoại

C. Hợp tác với nhau trong việc giải quyết nhiều vấn đề quốc tế lớn

D. Mâu thuẫn gay gắt về quyền lợi

Câu 11 : Đặc điểm lớn nhất của công cuộc cách mạng khoa học – công nghệ là

A. Diễn ra đầu tiên ở ngành chế tạo công cụ lao động

B. Diễn ra trên tất cả các lĩnh vực

C. Diễn ra với quy mô và tốc độ lớn chưa từng thấy

D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

Câu 12 : trong xu thế hòa bình ổn định, hợp tác và phát triển, Việt Nam có được những thời cơ và thuận lợi là gì?

A. Ứng dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất

B. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động

C. Có được thị trường lớn để tăng cường xuất khẩu hàng hóa

D. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng khoa học – kĩ thuật

Câu 13 : Sự kiện nào đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ?

A. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã ảnh hưởng đến tư tưởng cứu nước của Người

B. Nguyễn Ái Quốc gửi bản Yêu Sách đến Hội nghị Vecxai(1919)

C. Đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin (7-1920)

D. Tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12 – 1920)

Câu 14 : Trong giai đoạn 1919 – 1925, công lao lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam là

A. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam

B. Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lenin vào trong nước

C. Liên kết chặt chẽ cách mạng vô sản với cách mạng giải phóng dân tộc

D. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

Câu 15 : Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba?

A. Quốc tế này bênh vực cho quyền lợi của các nước thuộc địa

B. Quốc tế này giúp nhân dân ta đấu tranh chống pháp

C. Quốc tế này đề ra đường lối cho cách mạng Việt Nam

D. Quốc tế này chủ trương thành lập Đảng cộng sản ở thuộc địa

Câu 16 : Tổ chức cách mạng nào được coi là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam

A. An Nam Cộng sản đảng

B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

C. Đông Dương cộng sản liên đoàn

D. Đông Dương Cộng sản đảng

Câu 17 : Đầu năm 1929, Chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) là do

A. Bắc Kì là nơi phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng vô sản phát triển mạnh, hội viên ở Bắc Kì nhạy bén về chính trị

B. Năm 1929, phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh

C. Đáp ứng yêu cầu thành lập tổ chúc lãnh đạo cách mạng Việt Nam

D. Sự phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

Câu 18 : Văn kiện được coi là Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là

A. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng

B. Luận cương chính trị của Đảng

C. Chính cương, Sách lược của Đảng

D. Tuyên ngôn, Điều lệ của Đảng

Câu 19 : Ý nào không phản ánh đúng đóng góp của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam đầu năm 1930?

A. Là người chủ trì Hội nghị

B. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam

C. Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

D. Tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin cho những người Cộng sản Việt Nam

Câu 20 : Văn kiện nào của Đảng xác định động lực cách mạng là công nhân và nông dân?

A. Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam đầu năm 1930

B. Luận cương chính trị tháng 10-1930 của Đảng Cộng Sản Đông Dương

C. Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng được thông qua tại Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng Cộng Sản Đông Dương ( 3-1935)

D. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11-1939

Câu 21 : Luận cương chính trị của Đảng (10 – 1930) xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta là

A. Đánh đổ đế quốc và đánh đổ phong kiến

B. Đánh đổ phong kiến và đánh đổ đế quốc

C. Đánh đổ phong kiến

D. Đánh đổ đế quốc

Câu 22 : Đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới đầu những năm 30 của thế kỉ XX là

A. Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII tại Matxcova (Liên Xô)

B. Chủ nghĩa phát xít ra đời và lên cầm quyền ở Đức, Italia, Nhật Bản

C. Chính phủ Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp năm 1936

D. Thực dân Pháp tăng cường chính sáng bóc lột ở các thuộc địa

Câu 23 : Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào cách mạng 1936 – 1939 là

A. Chứng tỏ Đảng Cộng Sản Đông Dương ngày càng trưởng thành

B. Là cuộc tập dượt tiếp theo chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này

C. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu

D. Một bộ phận cán bộ của Đảng đã ra hoạt động công khai

Câu 24 : Thời cơ của Cách mạng tháng Tám năm 1945 được Đảng ta xác định trong khoảng thời gian nào?

A. Ngay khi quân Đồng minh đánh bại phe phát xít

B. Ngay khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh

C. Kéo dài vô hạn thời gian

D. Từ sau khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh kéo vào nước ta giải giáp quân Nhật

Câu 25 : Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội nước nào thuộc phe Đồng minh vào nước ta?

A. Quân Anh, quân Mĩ

B. Quân Pháp, quân Anh

C. Quân Anh, quân Trung Hoa Dân quốc

D. Quân Liên Xô, quân Trung Hoa Dân quốc

Câu 26 : Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước ta phải đối mặt với nhiều kẻ thù, trong đó nguy hiểm nhất là

A. Quân Trung Hoa Dân quốc

B. Thực dân Pháp

C. Đế quốc Anh

D. Phát xít Nhật

Câu 27 : Để củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Đảng, chính phủ và Hồ Chí Minh đã

A. Thành lập Nha Bình dân học vụ

B. Phát động phong trào " Nhường cơm sẻ áo"

C. Thành lập các đoàn quân " Nam tiến"

D. Tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trên cả nước

Câu 28 : Kết quả của cuộc bầu cử Quốc hội ngày 6 – 1- 1946 được đánh giá là thắng lợi của

A. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc

B. Cuộc đấu tranh giai cấp, đưa giai cấp vô sản lên cầm quyền

C. Cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang khi Đảng ta nắm chính quyền

D. Cuộc vận động chính trị nhưng cũng là thắng lợi của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp

Câu 29 : Những biện pháp đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai có tác dụng như thế nào?

A. Chính quyền cách mạng vẫn được giữ vững và được nhân dân tin tưởng, ủng hộ.

B. Làm thất bại âm mưu câu kết với quân Anh, quân Pháp ở miền Nam hòng bóp chết chính quyền cách mạng non trẻ

C. Hạn chế đến mức thấp nhất các hoạt động chống phá của quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai, làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng

D. Kéo dài thời gian hòa hoãn để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài

Câu 30 : ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947 là gì?

A. Chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta

B. Là cuộc phản công lớn đầu tiên của quân dân ta giành thắng lợi

C. Chứng tỏ khả năng quân dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tiến công quân sự lớn của địch

D. Đánh bại hoàn toàn chiến lược " đánh nhanh, thắng nhanh" của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta, đưa cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn mới

Câu 31 : Nhiệm vụ vơ bản nhất của cách mạng nước ta sau năm 1954 là

A. Xây sựng CNXH ở miền Bắc, hỗ trợ cho cách mạng miền Nam

B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam chống Mĩ và quân đội Sài Gòn

C. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà

D. Miền bắc xây dựng CNXH, chi viện cho miền Nam, miền Nam tiến hành cách mạng dân chủ nhân dân, bảo vệ miền bắc

Câu 32 : Vì sao ngay sau khi hòa bình lập lại, nhân dân miền Bắc phải tiến hành cải cách ruộng đất?

A. Nông nghiệp còn lạc hậu, năng suất lao động thấp

B. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ phong kiến vẫn còn rất phổ biến

C. Để làm hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam

D. Để khắc phục hậu quả chiến tranh

Câu 33 . Trong những năm 1957 – 1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn và tổn thất do chính quyền Ngô Đình Diệm dùng thủ đoạn

A. "tố cộng", "diệt cộng"

B. "đả thực", "bài phong", "diệt cộng"

C. "tiêu diệt cộng sản không thương tiếc "

D. "thà giết nhầm hơn bỏ sót"

Câu 34. Đại hội đại biêu toàn quôc lân thứ III của Đảng (9 - 1960) đã xác định cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào ?

A. Có vai trò quyết định đối với sự nghiệp thống nhất đất nước.

B. Có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước

C. Có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

D. Có vai trò chủ chốt để hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân.

Câu 35. Sự khác biệt cơ bản về lực lượng của chiến lược "Chiến tranh cục bộ" so với chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là gì ?

A. Lực lượng quân đội Sài Gòn giữ vai trò quan trọng nhất.

B. Lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ giữ vai trò quan trọng nhất.

C. Sử dụng vũ khí, trang thiết bị của Mĩ.

D. Lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ, quân đồng minh của Mĩ giữ vai trò quyết định.

Câu 36. Điểm giống nhau của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" với các chiến lược chiến tranh trước đó của Mĩ là gì ?

A. Tìm cách chia rẽ Việt Nam với các nước XHCN.

B. Gắn "Việt Nam hoá chiến tranh" với "Đông Dương hoá chiến tranh".

C. Được tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu, có sự phối hợp đáng kể của quân đội Mĩ.

D. Là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới ở miền Nam, nằm trong chiến lược toàn cầu của Mĩ.

Câu 37. Thủ đoạn thâm độc của Mĩ và cũng là điểm khác trước mà Mĩ đã triển khai khi thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là

A. tìm cách chia rẽ Việt Nam với các nước XHCN.

B. thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt" .

C. được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp đáng kể của quân đội Mĩ.

D. là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới ở miền Nam.

Câu 38. Thắng lợi nào của quân dân ta ở miền Nam đã buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược ?

A. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.

C. Trận "Điện Biên Phủ trên không" năm 1972.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 39. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9 - 1975) đã đề ra nhiệm vụ gì ?

A. Xây dựng CNXH ở hai miền Bắc - Nam.

B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

C. Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

D. Hoàn thành công cuộc khôi phục và phát triển kinh té - xã hội sau chiến tranh.

Câu 40. Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo trình tự thời gian của quá trình hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước :

1. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá VI được tiến hành trong cả nước ;

2. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ưomg Đảng đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ;

3. Quốc hội khoá VI họp kì đầu tiên tại Hà Nội ;

4. Hội nghị Hiệp thương chính trị được tổ chức tại Sài Gòn.

A. 1,3,2,4.

B. 2, 3,4,1.

C. 2,4, 1,3.

D. 3,4,2, 1.

Đề trắc nghiệm Số 4

Câu 1. Hội nghị lanta chấp nhận nhiều điều kiện để Liên Xô tham gia chống quân phiệt Nhật Bản ở châu Á, ngoại trừ

A. khôi phục quyền lợi của nước Nga bị mất do cuộc Chiến tranh Nga - Nhật (1904).

B. Liên Xô chiêm 4 đảo thuộc quần đảo Curin.

C. trả lại cho Liên Xô miền Nam đảo Xakhalin.

D. giữ nguyên trạng Trung Quốc,

Câu 2. Lí do Liên Xô đẩy mạnh khôi phục kinh tế và xây dựng CNXH ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc là gì ?

A. Để chạy đua vũ trang với Mĩ, nhằm duy trì "Trật tự thế giới hai cực".

B. Hàn gắn vết thương chiến tranh và phấn đấu nhanh chóng xây dựng thành công chế độ XHCN.

C. Muốn canh tranh vị thế cường quốc với nước Mĩ.

D. Vượt qua thế bao vây, cấm vận của Mĩ và các nước Tây Âu.

Câu 3. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á đều là thuộc địa của các nước đế quốc Âu - Mĩ, ngoại trừ

A. Đông Timo.

B. Thái Lan,

C. Philíppin.

D. Xingapo.

Câu 4. Năm 1945, những quốc gia nào ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập ?

A. Inđônexia, Việt Nam, Lào.

B. Campuchia, Ivíaỉaixia, Brunây

C. Inđònéxia, Việt Nam, Malaixia,

D. Miến Điện, Việt Nam, Philíppin

Câu 5. Nguyên nhân quyết định đến thắng lợi của nhân dân Việt Nam và Lào trong cuộc đấu tranh giành độc lập năm 1945 là gì ?

A. Thời cơ thuận lợi - Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện.

B. Tình đoàn kết của nhân dân hai nước.

C. Truyền thống yêu nước, đấu tranh bất khuất của hai dân tộc.

D. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 6. Chính sách đối ngoại xuyên suốt của Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là

A. khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.

B. Triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới,

C. chống phá Liên Xô và các nước XHCN trên thế giới.

D. can thiệp vào công việc nội bộ các nước, sau đó tiến hành chiến tranh xâm lược.

Câu 7. Từ sau cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế năm 1973, vị trí nền kinh tế Mĩ ra sao ?

A. Đứng đầu thế giới tư bản với ưu thế tuyệt đối.

B. Vẫn đứng đầu thế giới tư bản, nhưng đã suy giảm nhiều so với trước,

C. Tụt xuống hàng thứ hai thế giới (sau Nhật Bản).

D. Ngang bằng với Tây Âu và Nhật Bản.

Câu 8. Trong quá trình triển khai chiến lược toàn cầu, Mĩ đã thu được một số kết quả, ngoại trừ việc

A. lôi kéo được nhiều nước đồng minh đi theo, ủng hộ Mình.

B. ngăn chặn, đấy lùi được CNXH trên phạm vi thế giới.

C. làm chậm lại quá trình giành độc lập của nhiều nước trên thế giới.

D. làm cho nhiều nước bị chia cắt trong thời gian dài.

Câu 9. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự đối đầu gay gắt giữa Liên Xô và Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. do cả hai nước đều muốn làm bá chủ thế giới.

B. do sự đối lập nhau về mục tiêu và chiến lược của hai cường quốc.

C. Mĩ trở thành cường quốc kinh tế và quân sự, muốn thiết lập trật tự "đơn cực".

D. Liên Xô giúp đỡ các nước thuộc địa đấu tranh giành độc lập đã thu hẹp hệ thống thuộc địa của Mĩ.

Câu 10. Những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mối lo ngại lớn nhất của Mĩ là gì ?

A. CNXH trở thành một hệ thống thế giới, trải dài từ Đông Âu tới phía đông châu Á.

B. Nhật Bản, Tây Âu vươn lên thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

C. Nội chiến Quốc - Cộng kết thúc, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.

D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên từ, phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ

Câu 11. Sự kiện gây chấn động lớn trong dư luận thế giới vào năm 1997 là

A. các nhà khoa học đã tạo ra được con cừu Đôli bằng phương pháp sinh sản vô tính từ một tế bào lấy từ tuyến vú của một con cừu đang mang thai.

B. Các nhà khoa học đã giải mã thành công "Bản đồ gen người".

C. Trung Quốc phóng thành công tàu Thần Châu 5 cùng nhà du hành vũ trụ bay vào không gian.

D. nước Mĩ phóng tên lửa đẩy phá vỡ được thiên thạch lớn đang lao về Trái Đất.

Câu 12. Những thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam trong thế kỉ XX góp phần xoá bỏ chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa thực dân trên thế giới ?

A. Cách mạng tháng Tám (1945) và chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).

B. Cách mạng tháng Tám (1945), kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975).

C. Cách mạng tháng Tám (1945), kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), kháng chiến chống Mĩ (1954-1975).

D. Kháng chiến chống Pháp (1945 -1954), kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975).

Câu 13. Nội dung nào sau đây không phải là mục tiêu của Pháp trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương

A. Bù đắp thiệt hại do Chiến tranh thế giới thứ nhất.

B. Khôi phục lại địa vị của nước Pháp trong thế giới TBCN.

C. Trả cho Nga khoản Pháp vay nợ trong Chiến tranh Pháp - Phổ.

D. Bồi thường chiến phí cho những nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 14. Ý nào không phải là nguyên nhân khiến Pháp chú trọng khai thác than và đồn điền cao su trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương ?

A. Cao su và than là hai mặt hàng thế mạnh của Việt Nam.

B. Thị trường thế giới đang có nhu cầu lớn về hai mặt hàng này.

C. Khai thác hai ngành này, Pháp tận dụng được nguồn nhân công rẻ mạt, thu lợi nhuận lâu dài.

D. Cao su và than của Việt Nam có chất lượng tốt nhất thế giới.

Câu 15. Dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, nền kinh tế Việt Nam ra sao ?

A. Phát triển tương đối độc lập, tự chủ.

B. Có sự phát triển nhất định nhưng bị kìm hãm và lệ thuộc vào kinh tế Pháp,

C. Lạc hậu, què quặt, phụ thuộc vào kinh tế Pháp.

D. Phát triển, trở thành thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

Câu 16. Dưới tác động cùa chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có sự chuyển biển ra sao ?

1. Biến đổi sâu sắc, các giai cấp cũ (nông dân, địa chủ) ngày càng phân hoá, các giai cấp và tầng lớp mới (tư sản, tiểu tư sản) xuất hiện, giai cấp công nhân ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng.

B. Có sự thay đổi về cơ cấu dân cư và chất lượng nguồn nhân lực

C. Trình độ dân trí và văn hoá của nhân dân được nâng cao hơn trước.

D. Do kinh tế khởi sắc, mâu thuẫn xã hội được xoa dịu.

Câu 17. Ý nào không phản ánh đúng vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ?

A. Chuẩn bị về tổ chức và đội ngũ cán bộ cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Tuyên truyền sâu rộng lí luận cách mạng giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản vào Việt Nam.

C. Trực tiếp lãnh đạo một số phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân.

D. Chuấn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Câu 18. Sự kiện nào đánh dấu chấm dứt ngọn cờ theo trào lưu tư sản trong phong trào, dân tộc đầu thế kỉ XX ?

A. Phong trào Duy tân.

B. Khởi nghĩa Yên Bái (2-1930).

C. Phong trào của công nhân đồn điền Phú Riềng (2-1930).

D. Phong trào của công nhân ở Vinh – Bến Thuỷ.

Câu 19. Nét nổi bật của phong trào dân chủ 1936 - 1939 là

A. uy tín của Đảng được nâng cao, cán bộ được tôi luyện qua những thử thách trong phong trào đấu tranh.

B. tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị của đảng viên được nâng cao.

C. tập hợp được lực lượng công - nông hùng mạnh hàng triệu người.

D. Đảng đã tập hợp được một lực lượng đông đảo, sử dụng phương pháp đấu tranh phong phú.

Câu 20. Tại sao trong thời kì 1936 - 1939, Đảng lại đưa một số cán bộ của Đảng ra hoạt động công khai ?

A. Tình hình thế giới có sự thay đổi có lợi cho cách mạng nước ta.

B. Tình hình trong nước thay đổi, lực lượng cách mạng lớn mạnh.

C. Chỉnh phủ mới ở Pháp đã thi hành một số chính sách tiến bộ ở thuộc địa.

D. Thực hiện nghị quyết của Quốc tế Cộng sản.

Câu 21. Điểm khác trong việc xác định nhiệm vụ trước mắt thời kì 1936 - 1939 so với thời kì 1930- 1931 là

A. Chống đế quốc, phản động tay sai.

B. Chống chế độ phản động thuộc địa và tay sai.

C. chống đế quốc, chống phong kiến.

D. chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh.

Câu 22. Căn cứ địa cách mạng đầu tiên của nước ta trong những năm 1939 - 1945 được xây dựng ở

A. Bắc Son - Võ Nhai.

B. Cao Bằng.

C. Cao - Bắc - Lạng.

D. Khu giải phóng Việt Bắc.

Câu 23. Hội nghị nào đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng của Đảng - đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?

A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936).

B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11-1939.

C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11-1940.

D. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941).

Câu 24. Thời điểm nào được Đảng ta xác định là "thời cơ ngàn năm có một" để thực hiện cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ?

A. Khi quân Đồng minh đánh bại phe phát xít.

B. Khi phát xít Đức đầu hàng Đồng minh.

C. Khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, chính phủ tay sai hoang mang lo sợ.

D. Khi các yếu tố chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa đã đầy đủ, nhân dân sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền.

Câu 25. Nhiệm vụ chiến lược mà Đảng ta xác định để giữ vững thành quà cách mạng trong những năm 1945 - 1946 là

A. thành lập chính phủ chính thức.

B. thực hiện nền giáo dục mới.

C. quyết kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

D. củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng, ra sức xây dựng chế độ mới.

Câu 26. Nội dung nào không phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên năm 1946 ?

A. Củng cố khối đoàn kết toàn dân.

B. Góp phần bảo vệ độc lập dân tộc.

C. Thực hiện liên minh công - nông.

D. Là sự chuẩn bị trực tiếp cho thắng lợi của cuộc kháng, chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Câu 27. Vì sao Đảng và Chính phủ ta chủ trương hoà hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc ?

A. Tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, tập trung lực lượng đánh Pháp ở miền Nam.

B. Tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù : quân Trung Hoa Dân quốc, quân Anh, quân Pháp, cùng bọn tay sai phản động.

C. Lực lượng của ta còn yếu cần phải hoà hoãn để có thời gian củng cố lực lượng.

D. Kéo dài thêm thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến mà ta biết không thể tránh khỏi.

Câu 28. Việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) đã có tác dụng ra sao ?

A. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do.

B. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.

C. Tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, đuổi quân Trung Hoa Dân quốc về nước, có thêm thời gian hoà bình để chuẩn bị lực lượng.

D. Mượn quân Trung Hoa Dân quốc đuổi quân Pháp về nước, tránh cùng một lúc phải đối phó vởi nhiều kẻ thù.

Câu 29. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2—1951) có ý nghĩa lịch sử như thế nào ?

A. Nêu cao vai trò lãnh đạo cuộc kháng chiến của Đảng và giai cấp công nhân.

B. Tăng cường lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

C. Làm cho nhân dân thế giới hiểu về cách mạng Việt Nam.

D. Đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo cách mạng và trưởng thành của Đảng ta, thúc đẩy kháng chiến tiến lên.

Câu 30. Điểm mấu chốt của kế hoạch Nava là gì ?

A. Tập trung binh lực, xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh, mở một số cuộc tiến công chiến lược.

B. Phân tán lực lượng để chủ động đối phó với các mũi tiến công của quân ta.

C. Tập trung binh lực ở đồng bằng Bắc Bộ, mở mũi tiến công lên Tây Bắc và Bắc Lào.

D. Tập trung binh lực, mở trận quyết chiến chiến lược, giành thắng lợi để kết thúc chiến tranh.

Câu 31. Đường lối thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, độc đáo của Đảng ta ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ được kí kết là

A. tiến hành cách mạng XHCN ờ miền Bắc.

B. tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

C. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, thống nhất nước nhà.

D. tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc.

Câu 32. "Trong hơn 2 năm, miền Bắc đã tịch thu, trưng thu, trưng mua khoảng 81 vạn hécta ruộng đất, 10 vạn trâu bò và 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ". Đó là kết quả

của việc thực hiện nhiệm vụ nào ?

A. Cải cách ruộng đất.

B. Khôi phục kinh tể.

C. Cải tạo XHCN.

D. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965).

Câu 33. Thời gian dầu sau khi Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được kí kết, nhân dân miền Nam đã sử dụng biện pháp nào để đấu tranh chống Mĩ — Diệm ?

A. Biểu tình có vũ trang.

B. Đấu tranh chính trị, hoà bình,

C. Bất hợp tác.

D. Bạo lực cách mạng.

Câu 34. Hãy lựa chọn phương án thích hợp để hoàn thiện đoạn dữ liệu sau : "Phương hướng cơ bản cùa cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng "

A. con đường đấu tranh chính trị của quần chúng lật đổ ách thống trị của Mĩ-Diệm.

B. "phong trào hoà bình" của trí thức và các tầng lớp nhân dân.

C. con đường bạo lực cách mạng lật đổ ách thống trị của Mĩ Diệm.

D. con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang, đánh đổ ách thống trị của Mĩ - Diệm.

Câu 35. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã xác định nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam là

A. giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

B. xây dựng CNXH ở miền Bẳc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

C. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hoà bình, thống nhất đất nước.

D. Thống nhất đất nước, thu non sông về một mối.

Câu 36. Tại sao đến năm 1965, Mĩ chuyển sang thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ?

A. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" đã bị phá sản hoàn toàn.

B. Mĩ muốn mở rộng và quốc tế hoá chiến tranh Việt Nam.

C. Mĩ muốn nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở Việt Nam.

D. Mĩ lo ngại sự ủng hộ của Trung Quốc và Liên Xô cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Câu 37. Chiến thắng đầu tiên của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ là

A. Áp Bắc (Mĩ Tho), Ba Gia (Quảng Ngãi) và Đồng Xoài (Bình Phước).

B. Núi Thành (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi).

C. Đông Nam Bộ và Liên khu V.

D. An Lão (Bình Đinh) và Bình Giã (Bà Rịa).

Câu 38. Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) là gì ?

A. Đã làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mĩ, buộc chúng phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược.

B. Buộc Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Mĩ buộc phải đến Hội nghị Pari để đàm phán với ta để bàn về chấm dứt chiến tranh.

D. Mở ra bước ngoặt cùa cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

Câu 39. Sự thành công của kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI (1976) có ý nghĩa ra sao ?

A. Hoàn thành công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. Đưa cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.

C. Bầu ra được các chức vụ lãnh đạo cao nhất của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

D. Quyết định đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 40. Tại sao trong đường lối đổi mới đất nước, Đảng ta cho rằng trọng tâm là đổi mới kinh tế ?

A. Kinh tế phát triển là cơ sở để nước ta đổi mới trên các lĩnh vực khác.

B. Một số nước đã lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

C. Những khó khăn của đất nước đều bắt nguồn từ những khó khăn về kinh tế.

D. Do hậu quả của chiến tranh kéo dài, kinh tế nước ta nghèo nàn, lạc hậu.